

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TRẦN THỊ MINH TUYỀN

ĐẶC ĐIỂM VĂN XUÔI NAM CAO SAU 1945

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số : 60.22.34**

**TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. PHAN NGỌC THU

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Phong Nam

Phản biện 2: TS. Hà Ngọc Hòa

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 28 tháng 12 năm 2014.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Nam Cao (1917-1951) là một trong những đại biểu xuất sắc của trào lưu văn học hiện thực ở nước ta giai đoạn 1930-1945; đồng thời cũng là một tác gia lớn của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Đời sống và đời văn của Nam Cao tuy không dài, nhưng ở cả hai chặng đường trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tác phẩm của ông đã đi vào văn học sử, đủ sức “vượt lên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn” làm nên một sự nghiệp cuốn hút giới nghiên cứu và nhiều thế hệ bạn đọc cùng dành nhiều tâm sức “nghĩ tiếp về Nam Cao”.

1.2. Tuy nhiên, cho đến nay nhìn lại, hầu hết khóa luận, luận văn, luận án trong nhà trường và các công trình nghiên cứu chuyên luận đều chủ yếu tập trung vào sự nghiệp sáng tác của Nam Cao trước 1945. Điều ấy cũng có thể cắt nghĩa được bởi sức hấp dẫn đặc biệt của ngòi bút Nam Cao qua những kiệt tác mang giá trị tư tưởng và nghệ thuật sâu sắc như: *Chí Phèo*, *Lão Hạc*, *Trăng sáng*, *Đời thừa*, *Sống mòn*, v.v. Song, cho dù mảng sáng tác sau Cách mạng tháng Tám và những năm đầu kháng chiến chống Pháp không nhiều (chưa đến 20 tác phẩm truyện ngắn, ghi chép, ký sự, nhật ký...), nhưng Nam Cao vẫn để lại dấu ấn riêng, với những đóng góp rất đáng trân trọng cho nền văn xuôi nước nhà trong buổi đầu xây dựng nền văn học mới sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

1.3. Mặt khác, Nam Cao còn là một trong những tác gia lớn có tác phẩm ở cả hai chặng đường được giảng dạy trong chương trình Ngữ Văn ở nhà trường phổ thông: Trước 1945 có: *Lão Hạc*, *Chí Phèo*, *Đời thừa*; sau 1945 có: *Đôi mắt*. Vì vậy, việc đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu đặc điểm văn xuôi Nam Cao sau 1945 còn là một dịp bổ sung thêm tư liệu và kiến thức góp phần giúp ích thiết thực

cho việc dạy học Văn trong nhà trường hiện nay.

2. Lịch sử vấn đề

- Trên *Tạp chí văn học* số 11/1966, Nguyễn Đức Đàn trong bài viết “*Cách mạng tháng Tám và chặng đường phát triển mới của Nam Cao*” cho rằng sáng tác của Nam Cao sau 1945 đã có sự thay đổi trong cách nhìn về người nông dân. Nhà văn đã không còn nhìn họ như những nạn nhân “đốt nát, nheo nhếch, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương nữa”. Ngược lại, Nam Cao đã nhận ra “họ vẫn có thể làm Cách mạng hăng hái lắm...lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm” [3]. Đối với đề tài tiểu tư sản, thái độ của tác giả trong cách nhìn người trí thức là “thái độ phê phán kịch liệt những phần tử trí thức không chịu chuyển mình theo thời đại” [3].

Cũng trong bài viết này, tác giả bài viết đã có những so sánh về tư tưởng nghệ thuật và bút pháp của Nam Cao trong việc thể hiện những đề tài quen thuộc ở hai thời kỳ trước và sau 1945.

- Sông Thai, trong bài *Nam Cao, nhà văn hiện thực của cách mạng và kháng chiến* (*Tạp chí Văn học* số 95, 15-10-1969) đã phát hiện sự thay đổi trong tư tưởng, tình cảm của nhà văn. Cùng với sự đổi mới trong tư tưởng là sự đổi mới trong bút pháp thể hiện- một bút pháp “cô đọng mà gợi cảm, sắc sảo mà vẫn ấm áp được điều khiển bằng một tâm hồn rạo rức tin yêu” [37].

- Phùng Ngọc Kiếm (1992), qua “*Những đổi mới trong thế giới nghệ thuật của Nam Cao sau 1945*” (*Nam Cao-Con người và tác phẩm*, Vũ Tuấn Anh *chủ biên*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, trang 389-395) cho rằng, trong những sáng tác của Nam Cao sau 1945 có sự xuất hiện thế giới của những người nô lệ. Từ việc khai thác thế giới nghệ thuật đó, tác giả khái quát lên thành một sự thật đau lòng: “Cuộc đời người nô lệ Việt Nam dù trong những căn nhà ổ chuột,

những túp lều con của Chí Phèo, hay nung nấu bên lò những biệt thự của chủ Tây đều là cay đắng, đau khổ” [20, tr.390] .

Không gian nghệ thuật trong những sáng tác sau 1945 cũng có sự thay đổi. Đó là không gian của những con đường. Những làng quê trước Cách mạng vốn hiện ra nghèo khổ, tàn lụi nay như được thay áo mới. Những môtip *ngày hội cách mạng, sự đổi mới, trường thành cùng cách mạng, hi sinh phấn đấu vì Cách mạng* là những chất liệu mới của thế giới nghệ thuật Nam Cao.

Mặt khác, Phùng Ngọc Kiêm cũng thấy được đôi lúc, đôi chỗ sự đổi mới trong những trang viết còn có “những nét gượng, sượng”, “roi vào biểu hiện sơ lược, giản đơn” [20, tr.389]. Ở một vài chỗ nhà văn còn tỏ ra “khá ngây thơ về chính trị, tức là đấu tranh giai cấp” [20, tr.389].

- Bùi Công Thuận, trên *Tạp chí văn học* số 2-1997 khi đi sâu tìm hiểu “Phong cách truyện ngắn Nam Cao trước Cách mạng”, đã có cái nhìn so sánh văn phong của Nam Cao ở hai giai đoạn: “Những truyện ngắn của Nam Cao sau Cách mạng hầu như thay đổi hẳn về phong cách. Thay vào bút pháp tâm lý là bút pháp kể và thuật lại, ngôn ngữ không còn lạnh lùng đến tàn nhẫn nữa, mà thay vào đó là một ngôn ngữ điềm đạm hơn, từ tốn hơn” [41].

- Bích Thu (1998), trong bài “*Sức sống của một sự nghiệp văn chương*” (Nam Cao về tác gia và tác phẩm, NXB GD, tr.11-36), đã nhận ra sự khác biệt về vị trí của nhà văn và nhân vật trong sáng tác ở hai giai đoạn. “Trước Cách mạng, nhà văn và nhân vật bình đẳng với nhau. Sau Cách mạng, có một lúc nào đó trong những trang viết của Nam Cao, nhân vật tỏ ra cao hơn tác giả vì sự ngưỡng mộ, chiêm bái nhân vật của nhà văn” [40, tr.26].

Như vậy, qua quá trình khảo sát tài liệu nghiên cứu về Nam Cao, chúng tôi nhận thấy những sáng tác sau 1945 có được đề cập đến song chỉ dừng lại ở việc phát hiện sự đổi mới trong nhận thức của nhà văn về con người. Tiếp thu ý kiến của người đi trước, với việc nghiên cứu đề tài này, chúng tôi hi vọng sẽ góp một cái nhìn tổng thể, qua đó thấy được đóng góp của nhà văn lớn Nam Cao trong quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc và vị trí của Nam Cao nhà văn-chiến sĩ trong buổi đầu xây dựng nền văn học mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ sáng tác của Nam Cao sau 1945, gồm 18 tác phẩm in trong Tuyển tập Nam Cao, Tập 2 và Tập 3, NXB Văn học, Hà Nội, 1999; và một số thư từ, nhật ký của Nam Cao còn gửi lại do các nhà văn sưu tập.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung đi sâu tìm hiểu đặc điểm văn xuôi Nam Cao sau 1945 trên hai phương diện tư tưởng nghệ thuật và bút pháp thể hiện.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành đề tài, chúng tôi vận dụng phối hợp nhiều phương pháp. Tuy nhiên, các phương pháp sau được vận dụng nhiều nhất trong quá trình nghiên cứu.

4.1. Phương pháp tiếp cận hệ thống

4.2. Phương pháp lịch sử

4.3. Phương pháp so sánh-đối chiếu

4.4. Phương pháp phân tích- tổng hợp

5. Những đóng góp của luận văn

Với việc nghiên cứu đề tài này, trên cơ sở tập hợp tư liệu,

chúng tôi mong mang đến một cái nhìn khái quát, toàn diện hơn về vị trí và những đóng góp của Nam Cao trong nền văn học hiện đại nước ta.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm có ba chương.

Chương 1: Nhìn lại sự nghiệp sáng tác của Nam Cao trước năm 1945

Chương 2: Đặc điểm văn xuôi Nam Cao sau 1945 nhìn từ phương diện tư tưởng nghệ thuật

Chương 3: Đặc điểm văn xuôi Nam Cao sau 1945 nhìn từ phương thức thể hiện

CHƯƠNG 1

VÀI NÉT VỀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC CỦA NAM CAO TRƯỚC NĂM 1945

1.1. BỐI CẢNH XUẤT HIỆN

1.1.1. Đôi nét về tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945

Cùng với sự chuyển biến của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội và sự tiếp thu, sáp nhập ảnh hưởng văn hóa-văn học phương Tây, từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, nền văn học Việt Nam đã có những dấu hiệu chuyển mình từ thời kỳ văn học trung đại kéo dài gần mười thế kỷ sang thời kỳ văn học hiện đại.

Nếu ba mươi năm đầu (1900-1930) có thể coi là chặng đường giao thời thì bước vào giai đoạn 1930 - 1945, nền văn học nước ta đã thực sự được hiện đại hóa một cách nhanh chóng. Một trong những thành tựu nổi bật ấy là sự ra đời và phát triển của các trào lưu văn học như trào lưu văn học cách mạng theo ý thức hệ của giai cấp vô sản, trào lưu văn học lãng mạn ... Trào lưu văn học hiện thực phê phán với xu hướng *tả chân* nhằm phản ánh bức tranh hiện thực xã hội như *nó vốn có* cũng đã ra đời và phát triển mạnh mẽ. Với một khối lượng tác phẩm, tác giả nổi bật, đề cập đến những vấn đề bức xúc của đời sống lúc bấy giờ; văn học hiện thực xứng đáng là một trào lưu văn học có vị trí quan trọng và có nhiều đóng góp to lớn vào quá trình phát triển và hiện đại hóa văn học Việt Nam.

1.1.2... Và sự xuất hiện của Nam Cao

Nam Cao chính thức xuất hiện khi tiến trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc giai đoạn 1930-1945 nói chung và trào lưu văn học hiện thực nói riêng, đã ở vào chặng đường cuối (1940-1945). Sau

những thử bút ban đầu, Nam Cao đã sớm thức nhận được rằng: “Cái nghề văn, kỳ nhất là cái lối thấy người ta ăn khoai cũng vác mai đi đào.” (*Những truyện không muốn viết*); và: “Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có” (*Đời thừa*). Vì vậy, chỉ có một con đường, ấy là muốn khẳng định vị trí của mình đòi hỏi phải thực sự có tài năng và bản lĩnh để vượt lên những thách thức cả trong đời sống và trong sáng tạo nghệ thuật.

Với một hệ thống quan niệm nghệ thuật và thể giới sáng tạo của mình trước cách mạng tháng Tám, Nam Cao đã để lại một sự nghiệp xứng đáng là một tài năng lớn trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

1.2. NHỮNG ĐÓNG GÓP ĐẶC SẮC CỦA NAM CAO

1.2.1. Nam Cao – nhà văn “khơi những nguồn chưa ai khơi”

a. Ở mảng đề tài người nông dân, Nam Cao thể hiện một quan niệm, cách tiếp cận hiện thực khác với các nhà văn hiện thực các thời kỳ trước. Trước hiện thực đau khổ của kiếp người nhà văn vừa day dứt suy nghĩ, vừa tìm cách đi sâu lý giải với câu hỏi “Sao lại thế này?” như tên một truyện ngắn của ông. Ngay cả vấn đề cái đói, miếng ăn vốn đã được các nhà văn, nhà thơ đề cập, nhưng đến Nam Cao lại được phát hiện từ một góc nhìn khác. Với Nam Cao miếng ăn, cái đói không chỉ là nỗi ám ảnh thường trực, mà nó còn là nguy cơ làm con người tha hóa nhân phẩm.

Cùng với sự áp bức đày đọa của giai cấp thống trị, của cái đói, miếng ăn, những trang viết về nông thôn và nông dân của Nam Cao trước cách mạng còn ám ảnh người đọc bởi một bi kịch lớn. Đó là bi kịch con người bị tha hóa, bị cướp mất quyền làm người.

b. Ở mảng đề tài viết về người trí thức nghèo, qua những tác phẩm nổi bật như tiểu thuyết *Sống mòn*, truyện ngắn *Trăng sáng*, *Đời thừa*... đóng góp nổi bật của Nam Cao lại được thể hiện ở một phương diện khác. Ấy là nhà văn của chúng ta đã phản ánh và biểu hiện một cách chân thật và đau đớn *bi kịch* “*vỡ mộng*”, “*sống mòn*” trong cảnh “*đời thừa*” của những người trí thức “*khát bay mà không có chân trời*”. Dường như không có truyện ngắn nào của Nam Cao về đề tài tiểu tư sản lại không đề cập đến cái chết về tinh thần của lớp người đó. Mỗi nhân vật là một kiểu đời thừa, một kiểu sống mòn. Điều này, trước Nam Cao chưa có nhà văn nào có cách nhìn sâu sắc và phổ quát như vậy. Có lẽ đó cũng là lý do để nhà lý luận phê bình Lê Đình Kỵ trong bài: “*Nam Cao-Con người và xã hội cũ*” đã cho rằng: “*Có những chủ đề Nam Cao và có những nhân vật Nam Cao*”.

1.2.2. Chủ nghĩa hiện thực tâm lý trong sáng tác của Nam Cao

Nam Cao đặc biệt nhạy cảm với những vấn đề thuộc về con người. Vì vậy, không chỉ dừng lại ở việc phản ánh xã hội, ngòi bút của Nam Cao còn hướng vào việc “*khám phá con người trong con người*”. Đến Nam Cao, nghệ thuật miêu tả và phân tích tâm lý đã đạt tới trình độ bậc thầy, được thể hiện trên nhiều phương diện như việc lựa chọn đề tài, tạo dựng tình huống, khả năng lắng nghe và biểu hiện những trạng thái giằng xé của tâm trạng nhân vật với một bút pháp rất tinh diệu.

1.2.3. Chủ nghĩa nhân văn trong sáng tác của Nam Cao

a. Quan niệm nghệ thuật về con người

Chủ nghĩa hiện thực trong sáng tác của Nam Cao vươn tới tiếp cận với chủ nghĩa nhân văn hiện đại chính là ở thái độ của nhà văn không bao giờ quá kỳ vọng vào con người, nhưng cũng không đánh mất niềm tin vào con người. Trong quan niệm của Nam Cao

con người có thể bị tiêu diệt, nhưng nhân tính, bản chất lương thiện của con người là vĩnh hằng, bất diệt. Trước sự xô đẩy của hoàn cảnh, nhân vật có lúc ngã nghiêng, chao đảo, đứng mấp mé trên bờ ranh giới giữa cao thượng và ích kỉ, nhỏ nhen; giữa bao dung, độ lượng và tàn nhẫn, độc ác nhưng cuối cùng vẫn là những người có nhân cách và lòng tự trọng.

b. Khát vọng giải phóng con người

Làm sao giải phóng con người ra khỏi kiếp sống nhọc nhằn, quần quanh, bết tắc có lẽ là câu hỏi lớn suốt đời viết văn của Nam Cao. Từ những trang viết của mình, Nam Cao không chỉ nhấn mạnh đề cao yếu tố chủ quan “tự ý thức” ở mỗi con người, mà còn chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa hoàn cảnh và tính cách

Đòi hỏi một sự thay đổi căn bản của hoàn cảnh chính là Nam Cao đã chạm đến với lý tưởng của Marx và Engel: “Nếu như tính cách con người được tạo nên bởi hoàn cảnh, thì cần phải làm cho hoàn cảnh có tính nhân đạo hơn” (*Dẫn theo Trần Đăng Suyên, Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao, tr.285*).

Cảm hứng nhân văn và sự thể hiện đầy sinh động qua thể giới nghệ thuật trong sáng tác của Nam Cao trước năm 1945 không chỉ có ý nghĩa nói lên tầm tư tưởng và tài năng của một nhà văn lớn, mà còn đánh dấu một bước phát triển về chất của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam ở chặng đường đềm trước của nền văn học Cách mạng.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM VĂN XUÔI NAM CAO SAU 1945 NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN TƯ TƯỞNG NGHỆ THUẬT

2.1. ĐỔI MỚI HỆ THỐNG QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT

2.1.1. Quan niệm về nhà văn

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ngay từ đầu Nam Cao đã bước vào cuộc kháng chiến với tư cách là một cán bộ tuyên truyền, một nhà văn-chiến sĩ. Trong không khí sôi nổi những ngày đầu Cách mạng, Nam Cao đã tự nhận thức về vị trí của nhà văn, về vai trò của văn nghệ trong sự nghiệp cứu nước. Nam Cao đã xác định: Không thể cứ ngồi một chỗ mà viết như đã viết trong cuộc đời cũ. Muốn làm tròn chức năng của văn nghệ, người viết phải sống, phải rèn luyện và phải tẩm mình trong thực tế đấu tranh của Cách mạng.

Để phục vụ đắc lực cho kháng chiến, theo nhà văn, người nghệ sĩ phải “tìm ra những chủ đề và hình thức không phải thích hợp cho ta mà thích hợp cho đối tượng của chúng ta là đại chúng. Vì vậy, không cần phải chạm đến những vấn đề to tát, lớn lao, chỉ cần “nói được một điều thiết thực, đáng được một cái tin làm người ta phải kể lại với nhau, làm được những câu ca dao thực mộc mạc nhưng không đến nỗi thành vè, viết được một bài thật ít lời nhưng vẫn đủ ý và đọc lên đàn bà, trẻ con nghe cũng hiểu” [45, tr.448] là nhà văn đã cảm thấy “sung sướng như viết được một truyện ngắn” mà mình ưng ý. Những sáng tác của Nam Cao vì thế càng ngày càng sát với những vấn đề thời sự, chính trị của cuộc kháng chiến đặt ra lúc bấy giờ.

2.1.2. Quan niệm về quan hệ giữa nhà văn và công chúng

Sau Cách mạng, mối quan hệ giữa nhà văn và công chúng được Nam Cao xác định rõ: Văn chương chỉ thực sự có ý nghĩa khi

được “tiếp nhận” bởi công chúng. Văn nghệ phải đến được với quần chúng nhân dân mới mong phát huy hết vai trò của mình. Do đó, nói cái gì? nói như thế nào? hay nói cách khác ấy là những câu hỏi *Viết cho ai? Viết cái gì? Viết để làm gì?* luôn là những điều nhà văn hết sức quan tâm.

Từ quan niệm dẫn đến hành động. Để văn nghệ đến được với số đông quần chúng nhân dân, Nam Cao càng cố gắng đi sâu vào cuộc sống thực tiễn. Trong hoàn cảnh toàn dân đang kháng chiến với nông dân là quân chủ lực thì không gì hơn bằng lối viết ngắn gọn, dễ hiểu. Những suy nghĩ ấy đã chi phối cách viết, đồng thời cũng thể hiện ý thức thường trực đem sáng tác phục vụ kịp thời trong hoàn cảnh kháng chiến lúc bấy giờ.

2.1.3. Quan niệm về hiện thực

Cuộc sống mới đã thay đổi hẳn cách nhìn của Nam Cao về hiện thực, về cuộc đời, về con người. Khác với tâm trạng nặng nề, u ám những năm trước Cách mạng, ta bắt gặp trên từng trang viết tâm trạng vui tươi, phấn chấn của một con người lạc quan tin tưởng.

Nếu như trước Cách mạng, không gian chủ yếu trong sáng tác của Nam Cao là không gian chật hẹp của đời tư, của những phận nghèo thì sau Cách mạng, không gian hiện thực trong văn xuôi Nam Cao đã rộng mở. Không gian rộng lớn, thoáng đãng không còn chỗ cho những u uất, nặng nề, “Những môtip: Ngày hội Cách mạng, sự đổi mới, trưởng thành cùng Cách mạng, hi sinh phấn đấu vì Cách mạng” [3, tr.392] đã trở thành chất liệu mới trong sáng tác nghệ thuật của Nam Cao.

Hiện thực cách mạng và kháng chiến đã đem đến cho Nam Cao những quan niệm mới về con người, càng nhận ra ở quần chúng nghèo khổ những phẩm chất gan dạ, cứng rắn, thậm chí cả liều lĩnh

và gan góc hơn rất nhiều lần.

2.2. ĐỔI MỚI CÁCH TIẾP CẬN HIỆN THỰC ĐỜI SỐNG

2.2.1. Tiếp cận hiện thực gắn với thời sự cách mạng và kháng chiến

Nhập cuộc cùng đời sống khắt trương sôi nổi của nhân dân, Nam Cao thấu hiểu sứ mệnh của người cầm bút phải viết để phục vụ kịp thời cho cuộc kháng chiến mới là yêu cầu cấp bách hơn bao giờ hết. Do đó, cách tiếp cận đời sống gắn với diễn biến thời sự cách mạng và kháng chiến là một đặc điểm tư tưởng nghệ thuật nổi bật của văn xuôi Nam Cao sau 1945.

Truyện ngắn *Mò sâm banh* được viết vào tháng 12 năm 1945, như một cái ngoái lại nối tiếp mạch văn truyền thống, nhưng đồng thời cũng như một sự bổ sung để càng thêm thấm thía nỗi đau mất nước và nỗi nhục của thân phận người dân nô lệ. Truyện ngắn *Nổi truân chuyên của khách má hồng* vừa như một phóng sự kịp thời phơi bày bộ mặt của cái gọi là chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thỉnh và âm mưu của bọn thực dân Pháp cố nặn ra để giờ trò đòi lập xứ “Nam Kỳ tự trị”, nhằm phá hoại cuộc cách mạng đang ở thời kỳ trũng nước của chúng ta lúc bấy giờ.

Hòa mình vào cuộc kháng chiến, Nam Cao có điều kiện tiếp cận hiện thực cuộc sống của một người trong cuộc, từ đó phát hiện sức mạnh như vũ bão của nhân dân. Ý thức gắn bó với vận nước thiêng liêng đã khiến cho họ gặp nhau trên những con đường ra mặt trận. *Cách tiếp cận hiện thực của Nam Cao vì thế không còn cái nhìn bị quan, bẽ tắc như trước, mà với tầm nhìn mới nhà văn đã thấy được hiện thực trong quá trình vận động và phát triển.*

2.2.2. Tiếp cận hiện thực với cái nhìn đa diện đa chiều

Cách tiếp cận *hiện thực với cái nhìn đa diện đa chiều* biểu

hiện qua việc **mở rộng và đổi mới chiều kích phản ánh**. Người đọc thấy được qua những trang văn của Nam Cao không khí náo nức của những ngày đầu cách mạng và kháng chiến. Bức tranh hiện thực vừa sản xuất, vừa chiến đấu của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện dù chỉ mới những nét phác họa nhưng đã hiện lên khá sinh động và rõ nét. Cuộc sống và vẻ con người vùng cao lần đầu tiên đi vào trang viết của Nam Cao. Điều đó chứng tỏ tầm nhìn và phạm vi phản ánh của tác giả đã được mở rộng, đúng như điều nhà văn tâm niệm: không thể ngồi yên một chỗ mà viết.

Cách tiếp cận hiện thực đa diện, nhiều chiều của văn xuôi Nam Cao sau 1945 còn được **biểu hiện ở cái nhìn của một “đôi mắt” có sức phát hiện và suy ngẫm**. Trong truyện ngắn *Đôi mắt*, cùng với việc phê phán những trí thức cố tình không hiểu thời thế như nhân vật Hoàng, nhà văn cũng sớm đặt ra vấn đề về yêu cầu nâng cao trình độ văn hóa cho người lãnh đạo trong tương lai. Và chỉ có những người cách mạng có trình độ văn hóa thực sự mới có sức thuyết phục khi lãnh đạo trí thức, văn nghệ sĩ.

Vấn đề nổi đau do hậu quả của chiến tranh và tấm lòng khoan dung thời hậu chiến; những vênh lệch giữa lời nói, giữa chính sách của nhà nước và cách thực hiện của kẻ có chức quyền, những hiện tượng tiêu cực cần phải cảnh giới khi chúng ta xây dựng chính quyền mới ở nông thôn.v.v. cũng đã được Nam Cao đề cập.

2.3. ĐỔI MỚI THẾ GIỚI HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT

2.3.1. Hình tượng người trí thức

Người trí thức vốn là một trong hai mảng đề tài thành công nhất của Nam Cao trước Cách mạng. Thế nhưng, nếu trước Cách mạng, Nam Cao chỉ thấy ở họ là những con người cùng hội, cùng thuyền, trong cảnh “sống mòn”, “đời thừa”, thì sau Cách mạng, hình

tượng nhân vật trí thức trong văn xuôi Nam Cao đã có sự phân hóa thành hai khuynh hướng rõ rệt. Đó là khuynh hướng phủ định, phê phán và khuynh hướng ngợi ca.

Khuynh hướng phủ định, phê phán hướng ngòi bút vào những phần tử trí thức không chịu chuyển mình theo thời cuộc, vẫn giữ nguyên đôi mắt nhìn đời như cũ trong khi thời cuộc đã đổi thay.

Không chỉ phê phán những con người trí thức lạc hậu, uơ hèn, đứng ngoài cuộc kháng chiến của nhân dân, Nam Cao còn mạnh dạn phê phán chính mình, phê phán những giây phút mềm yếu, ủy mị, thiếu thực tế, chủ quan của "con người nghệ sĩ cũ" còn vương lại.

Bên cạnh đó Nam Cao cũng phát hiện ra vẻ đẹp ở những con người đã giác ngộ cách mạng, tự nguyện hòa mình vào quần chúng tham gia kháng chiến. Sốt sắng, đi đầu trong mọi nhiệm vụ; quyết đoán, dám nghĩ dám làm, đó cũng là một nét nổi bật khi nói về hình tượng người trí thức mới trong sáng tác của Nam Cao sau Cách mạng.

2.3.2. Hình tượng người lính xuất thân từ nông dân

Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ làm xuất hiện một tầng lớp mới. Đó là những người lính xuất thân từ nông dân. Khảo sát những sáng tác của Nam Cao sau Cách mạng, chúng tôi thấy vẻ đẹp của hình ảnh người lính được soi sáng dưới nhiều góc nhìn. Họ đẹp lên khi đứng trong tập thể và cũng đẹp lên với tư cách là một cá nhân góp phần tạo nên sức mạnh của tập thể đó.

-Có thể nói, xây dựng con người trong các hoạt động tập thể của bộ đội, của nhân dân là một nội dung mới xuất hiện trong truyện ngắn kháng chiến nói chung, trong sáng tác của Nam Cao nói riêng. Quan niệm con người tập thể đã đặt nhân vật trong một đám đông, một tập thể hoạt động. Trong tập thể ấy họ hiện với những nét tâm lí

chung của thời đại như lòng yêu nước, căm thù giặc, tình cảm đồng bào, tình cảm tiền tuyến-hậu phương...Điều đáng khâm phục ở những con người ấy là nghị lực, là ý chí phi thường, là sự kiên trì nhẫn nại vượt lên mọi khó khăn gian khổ. Với việc xây dựng vẻ đẹp của con người tập thể, con người quần chúng, Nam Cao đã trở thành một trong những nhà văn có công đầu trong việc “đắp móng xây nền” cho một nền văn học mới.

-Hướng về cộng đồng tập thể đang làm ra những trang sử hào hùng, những sáng tác của Nam Cao sau 1945 không bỏ qua những biểu hiện sinh động của từng cá nhân trong tập thể ấy. Tất nhiên, sự thể hiện con người cá nhân ở đây không đi ngược với quan điểm con người tập thể mà nằm trong sự thống nhất, bao hàm. Trong con người cá nhân có những đặc điểm, dấu hiệu mang tính dân tộc, giai cấp, những dấu hiệu đại diện cho tập thể ở mỗi hình dáng, việc làm của nhân vật. Hướng sự quan sát về từng cá thể như vậy đã khiến Nam Cao có nhiều phát hiện thú vị, nhờ đó mà nhận thức về người nông dân của nhà văn cũng được nâng lên ở một tầm cao mới. Những trang văn của Nam Cao về hình tượng người lính xuất thân từ nông dân có thể xem là những ký họa sinh động đầy thuyết phục được ghi lại bằng hình tượng ngôn từ nghệ thuật.

2.3.3. Hình tượng người phụ nữ

Trong cảm quan hiện thực mang đậm chất nhân văn, Nam Cao đã xây dựng hình tượng người phụ nữ mới trong vẻ đẹp cả về hình thức lẫn tâm hồn như một cách giúp họ đòi lại lẽ công bằng mà xã hội cũ đã tước đi của họ. Ở các chị vừa có nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam vừa có vẻ đẹp của con người hiện đại. Đó là vẻ đẹp của sự năng động, tháo vát, biết vượt qua những rào cản của hoàn cảnh để đứng vào trong hàng ngũ những người chiến đấu,

là ý thức về sự bình đẳng nam nữ mà cách mạng đã đem lại. Tiếp xúc với những con người như thế, người ta có quyền nghĩ đến một xã hội trong tương lai mà người phụ nữ sẽ là một trong những nhân tố làm nên sự phát triển của xã hội đó.

CHƯƠNG 3

ĐẶC ĐIỂM VĂN XUÔI NAM CAO SAU 1945 NHÌN TỪ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN

3.1. THỂ LOẠI

3.1.1. Tùy bút, bút ký

Tùy bút, bút ký của Nam Cao chiếm một vị trí quan trọng trong văn học Việt Nam những năm đầu Cách mạng. Nhiều trang viết của Nam Cao đã phản ánh kịp thời những tình cảm nóng hổi, những chuyển biến dồn dập của tình hình Cách mạng và gây ra được những hiệu ứng mạnh mẽ trong việc động viên tinh thần yêu nước của quảng đại quần chúng nhân dân.

Sự kết hợp chặt chẽ của hai yếu tố chính luận và nghệ thuật, việc chọn lọc những sự việc có ý nghĩa và có thực trong đời sống để đưa vào trang viết đã tạo cho tùy bút, bút ký Nam Cao một phong cách riêng biệt. Đây cũng là một trong những nhân tố quan trọng khiến sáng tác của nhà văn luôn có sức cuốn hút đối với bạn đọc.

3.1.2. Truyện ngắn

Nếu như trước Cách mạng, thể loại này được Nam Cao chọn để gởi gắm vào đó những cuộc đời, những số phận bi kịch, mòn mỏi của người nông dân và người trí thức qua rất nhiều tác phẩm, thì sau Cách mạng, điểm mới của tác giả là có khi gói cả hai hình tượng đó vào trong cùng một tác phẩm, tạo nên sự đối lập trong hai kiểu nhân vật. Với cách này, nhà văn đã giúp người đọc cảm nhận cùng một lúc hai hình tượng, ở mỗi hình tượng lại có cả những mặt ưu điểm và tồn tại, những mặt đáng khen và những mặt đáng trách. Sức dung chứa của truyện ngắn vì thế trở nên rất dài, rất lớn. Sức hấp dẫn của câu chuyện vì thế cũng trở nên đa dạng hơn.

Đặc biệt, với truyện *Mò sâm banh* và *Nỗi truân chuyên của*

khách má hồng, ngòi bút hiện thực của Nam Cao đã nâng lên một tầm cao mới, thể hiện ở việc thể hiện quan niệm về người nô lệ. Điều đó không chỉ cho thấy được sự vận động trong nhận thức, tư tưởng mà còn cho thấy sự vận dụng linh hoạt chức năng của thể loại truyện ngắn trong bút pháp của Nam Cao.

3.1.3. Kịch

Kịch vốn không phải là sở trường của Nam Cao. Một thể nghiệm trên một thể loại hoàn toàn mới đã đem đến cho Nam Cao ít nhiều thành công song cũng không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Những hạn chế đó là do nhà văn chưa nắm được sâu sắc, đầy đủ cuộc sống mới và con người mới. Điều chúng ta ghi nhận là sự tiên phong của Nam Cao trên mặt trận tuyên truyền, cổ động nhân dân đi theo những chính sách, chủ trương lớn của Đảng, nó chứng tỏ một nhiệt tình sôi nổi của một người “luôn luôn đứng ở mũi nhọn của cuộc sống”.

3.2. ĐIỂM NHÌN TRẦN THUẬT

3.2.1. Điểm nhìn bên ngoài

Điểm nhìn bên ngoài là điểm nhìn mà trong đó chủ thể trần thuật giữ cái nhìn khách quan từ vị trí bên ngoài, có khoảng cách nhất định với đối tượng trần thuật.

Ở khuynh hướng phê phán, điểm nhìn bên ngoài cho phép Nam Cao giữ một cái nhìn khách quan với sự việc được kể, tránh đi những nhận xét, bình giá về sự việc. Khách quan, lạnh lùng, tàn nhẫn nhưng vẫn nặng trĩu nỗi ưu tư.

Ở khuynh hướng ngợi ca, cái nhìn của tác giả là cái nhìn thiết tha, triu mến đối với những người, những việc có tác dụng động viên, cổ vũ phong trào Cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Đứng bên ngoài sự việc nhưng tác giả thấy rõ, biết hết những tâm tư, tình cảm,

nguyện vọng của mỗi người. Ngòi bút khách quan nhưng vẫn ẩn cái nhìn chủ quan của người kể chuyện.

3.2.2. Điểm nhìn bên trong

Điểm nhìn bên trong là điểm nhìn mà tác giả vừa là người kể chuyện, đồng thời là nhân vật tôi tự sự. Người kể chuyện đứng ở ngôi thứ nhất, xưng tôi.

Điểm nhìn này cho phép tác giả vừa tái hiện hiện thực, vừa bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của mình một cách chân thực, rõ nét, do đó đã đem đến cho tác phẩm một màu sắc trữ tình đậm đà.

3.2.3. Sự dịch chuyển của những điểm nhìn

Sự dịch chuyển, hòa trộn của những điểm nhìn được hiểu là trong một tác phẩm, nhà văn không hoàn toàn chỉ giữ nguyên một vị trí, một chỗ đứng, một điểm nhìn mà điểm nhìn đó từ xuất phát điểm là của nhà văn, anh sẽ trao nó cho nhân vật, từ nhân vật này lại chuyển cho nhân vật khác để tạo nên sự luân chuyển đa dạng trong mạch kể.

Sự dịch chuyển của những điểm nhìn thể hiện khá nhuần nhuyễn trong truyện ngắn *Đôi mắt*. Mỗi sự kiện, mỗi tình tiết, mỗi biến cố đều được soi sáng từ nhiều quan điểm, đều hàm chứa sự “đối thoại”, “tranh luận” giữa những cách nhìn khác nhau. Với cách thức dịch chuyển, phối hợp luân phiên nhiều điểm nhìn trần thuật như vậy đã làm cho bức tranh hiện thực trong tác phẩm hiện lên đến hai lần. Với cách này, Nam Cao đã thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức, sự chín muồi trong cách đánh giá vai trò, vị trí của nông dân và sức mạnh của họ trong cuộc kháng chiến của dân tộc.

3.3. NGÔN NGỮ

3.3.1. Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị

Lối viết chân phương giản dị thể hiện trước hết ở việc tác giả

thường dùng cấu trúc câu ngắn gọn, dễ hiểu để tái hiện những sự kiện hoặc một khung cảnh cụ thể. Sau đó là việc tác giả đưa ngôn ngữ sinh hoạt đời thường vào trong tác phẩm để thể hiện cá tính và tâm trạng của nhân vật.

Nam Cao đặc biệt thành công với việc dùng khẩu ngữ, thành ngữ. Việc đưa các thành ngữ vào trong tác phẩm không chỉ khiến cho cách diễn đạt trở nên ngắn gọn, súc tích, giàu tính biểu cảm mà còn cho thấy một Nam Cao rất dân dã, bình dị, rất gần với nhân dân.

3.3.2. Ngôn ngữ trang trọng, mực thước, đậm chất thơ

Khuyh hướng ngợi ca, khẳng định, tôn vinh, cổ động đã tạo cho ngôn ngữ văn xuôi Nam Cao sau 1945 một thứ ngôn ngữ trang trọng, có tính thuyết phục đến tận cảm xúc. Trang trọng, mực thước nhưng không khô khan, cứng nhắc. Trang trọng mà vẫn giàu chất thơ. Chất thơ thể hiện rõ nhất ở những đoạn miêu tả khung cảnh thiên nhiên đẹp của núi rừng vùng cao. Chất thơ còn thể hiện qua những phép so sánh giàu tính tạo hình, có khả năng gợi ra nhiều trường liên tưởng thú vị.

3.3.3. Ngôn ngữ hiện đại, mới mẻ

“Nam Cao không cũ đi mà luôn mới mẻ và ở giữa chúng ta”. Điều đó thể hiện ở chỗ Nam Cao sử dụng rất chính xác những phương tiện biểu hiện của ngôn ngữ như so sánh, tạo từ mới...

3.4. GIỌNG ĐIỆU

3.4.1. Giọng tự hào, ngợi ca

Cơ sở của giọng tự hào ngợi ca chính là ở chỗ tác giả nắm được những đổi thay của cuộc sống con người sau Cách mạng. Cùng với hiện thực là tâm hồn, là thái độ của nhà văn. Một thái độ hân hoan vui sướng trước những đổi thay của cuộc đời.

Giọng tự hào ngợi ca thể hiện trong cách xưng hô, gọi tên

nhân vật ; trong cách gọi, cách cảm nhận suy tôn nhân vật. Chất giọng này cùng với nhiều yếu tố khác đã đem đến cho tác phẩm của Nam Cao một phong cách mới và tạo được những cảm xúc thẩm mỹ tích cực nơi người đọc.

3.4.2. Giọng mỉa mai, châm biếm

Tuy không phải là giọng chính nhưng giọng mỉa mai châm biếm vẫn nổi lên như một nét duyên làm cho những sáng tác sau Cách mạng của Nam Cao thêm màu sắc, thêm hấp dẫn. Sự biểu hiện của giọng mỉa mai châm biếm cũng biến hóa với nhiều sắc thái nhằm nhiều mục đích khác nhau. Có khi châm biếm nhằm phê phán, có khi châm biếm nhằm cảnh tỉnh, có lúc để thể hiện sự coi thường lẫn thương hại.

Dù với bất cứ mục đích gì, giọng mỉa mai châm biếm cũng đã diễn đạt được ý đồ nghệ thuật của nhà văn và trở thành một nét độc đáo trong phong cách văn của Nam Cao.

3.4.3. Giọng triết lý, suy ngẫm

Nói đến giọng điệu trong sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng là nói đến giọng buồn thương chua chát và giọng triết lý, suy ngẫm sâu xa. Sự kết hợp của cảm xúc và lí trí đã khiến cho hai giọng trên nổi lên như hai giọng chủ đạo song hành trong mỗi tác phẩm. Giọng triết lý tiếp tục thể hiện trong những trang viết sau Cách mạng nhưng với một sắc điệu khác. Không còn là giọng buồn thương, ai oán, thay vào đó là giọng tự hào, tin tưởng khi nghĩ về sức mạnh tiềm tàng trong mỗi con người

KẾT LUẬN

1. Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc của văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn cuối ; đồng thời cũng là tài năng lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Tác phẩm của Nam Cao sau 1945 để lại không nhiều nhưng đó thực sự là một “gia tài” quý hiếm, là một “kho trữ lượng” dồi dào về con người và đất nước. Qua những sáng tác của mình, Nam Cao thể hiện một tư tưởng lớn, một tài năng lớn, một phong cách lớn góp phần đặt những nền tảng vững chắc cho nền văn học mới nước ta trong thời đại mới.

Sáng tác của Nam Cao chia làm hai thời kì rõ rệt: trước và sau Cách mạng. Ở mỗi giai đoạn sáng tác Nam Cao đã xác lập cho mình những quan điểm nghệ thuật khác nhau tuy vẫn có những nét nhất quán. Trước Cách mạng, Nam Cao là nhà văn của chủ nghĩa hiện thực phê phán. Đối tượng hướng tới của nhà văn là những người cùng khổ với những bi kịch mỗi mòn, bế tắc; là những con người thoái hóa bị cướp mất quyền làm người. Trong đêm tối của chế độ cũ, tác phẩm của Nam Cao đã ánh lên những tia sáng của một buổi bình minh rực rỡ, thể hiện ước mơ, khát vọng một sự đổi thay đưa đến một xã hội công bằng, tốt đẹp. Chủ nghĩa hiện thực đến Nam Cao đã phát triển lên một tầm cao mới, trở thành một đặc trưng riêng của chủ nghĩa hiện thực Nam Cao. Đó là chủ nghĩa hiện thực tâm lý với sự tiếp cận với chủ nghĩa nhân văn hiện đại.

2. Văn xuôi Nam Cao sau 1945 không chỉ thể hiện được một cách tập trung đặc điểm chung đời sống lịch sử-xã hội-văn hóa và đặc điểm chuyển mình của văn học nước ta vào những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám mà còn đánh dấu sự chuyển biến mang tính cách mạng về tư tưởng nghệ thuật và bút pháp sáng tạo của một nhà

văn lớn từ thế giới cũ bước sang một thế giới mới. Mặc dù phần lớn những trang văn của Nam Cao ở giai đoạn này đang dừng ở mức độ những ghi chép nhằm tích lũy chất liệu chuẩn bị cho một sáng tác dài hơi, nhưng người đọc vẫn có thể bắt gặp được sự đổi mới của nhà văn về quan niệm nghệ thuật, và cách tiếp cận mới với hiện thực đời sống vừa rất nhạy cảm kịp thời, vừa sâu lắng trí tuệ ; vừa bình dị gần gũi, mà cũng vừa mới hiện đại, mới mẻ.

Nhìn lại suốt hai chặng đường sáng tác của Nam Cao, nếu nói giọng điệu là yếu tố thể hiện phong cách của nhà văn thì Nam Cao quả là một nhà văn đa phong cách. Sự kết hợp của nhiều chất giọng trong một sáng tác đã tạo nên tính đa thanh, tính phức hợp, khiến cho cảm xúc thâm mĩ của người đọc luôn thay đổi theo từng cung bậc biến hóa của giọng điệu tác phẩm.

3. Cuộc đời và sáng tác văn học của Nam Cao là tấm gương sáng của một nghệ sĩ chân chính, một nhà văn chiến sĩ đem hết sức mình phục vụ cho lí tưởng và sự nghiệp cách mạng, là bài học thiết thực về đấu tranh tự vượt lên chính mình chống lại những biểu hiện giả dối trong sáng tác văn học cũng như trong đời sống hằng ngày. Bằng thực tế sáng tác của mình, Nam Cao đã chứng minh rằng chỉ có những nhà văn có lí tưởng sống cao cả, có mục đích sáng tác chân chính, có quan niệm nhân sinh tiến bộ mới có khả năng tạo dựng những tác phẩm có sức truyền cảm cuốn hút người đọc qua nhiều thế hệ.

Nam Cao mất đi khi tuổi đời còn rất trẻ, khi khát vọng cống hiến và sức sáng tạo văn chương vẫn đang rất dồi dào. Dù vậy, những gì Nam Cao để lại cũng đủ khẳng định sự vĩnh hằng của một nhân cách, tài năng. Đặc biệt, những sáng tác sau Cách mạng đã góp phần định hướng con đường phát triển của văn học về sau. Vị trí văn học sử của nhà văn vì thế mà hết sức lớn lao. Nếu Nam Cao còn

sống, chúng ta có quyền tin tưởng nền văn học hiện đại Việt Nam sẽ giàu có thêm lên rất nhiều. Nói như nhà văn Nguyễn Huy Tưởng: “Nếu anh không mất...chúng ta có quyền tin rằng miếng đất đã sẵn sàng để xây dựng những công trình nhất định, vững vàng, thắng lợi”.